

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định đối tượng, mức chi chính sách liên quan đến hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 379/TTr-STC ngày 13 tháng 07 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định về đối tượng, mức chi đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (*lao động tự do*) và một số đối tượng đặc thù khác trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

a. Đối tượng hỗ trợ:

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (*lao động tự do*) cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu làm một trong các loại công việc sau: Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định; thu gom rác, phế liệu; bốc vác, vận chuyển hàng hóa; lái xe mô tô 02 bánh chở khách, xe xích lô chở khách; bán lẻ xô số lưu động; tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe (*massage, xoa bóp y học, châm cứu*); công nhật lột tôm, công nhật chặt đầu cá, đi ghe lưới, kéo tôm; thợ hồ, phụ hồ; hớt tóc, làm tóc, làm móng tay, chân; tài xế, lơ xe; chạy đò chở khách, giúp việc nhà, bảo vệ, tiếp thị, phụ bán hàng (*không phải mặt hàng thiết yếu*); lao động làm việc tại các cơ sở nghề truyền thống đan lát, rèn, sản xuất bánh kẹo, nước uống.

b. Điều kiện hỗ trợ:

Đối tượng được hỗ trợ phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Nơi làm việc bị tạm dừng hoạt động hoặc nơi cư trú thuộc địa bàn bị phong tỏa, địa bàn thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020

của Thủ tướng Chính phủ từ 10 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

- Bị mất việc làm, không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn mức chuẩn cận nghèo của quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (1.500.000 đồng/tháng).

- Cư trú hợp pháp tại địa phương.

2. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả:

- Thời gian nghỉ việc, mất việc làm từ 10 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng thì mức hỗ trợ là 50.000 đồng/người/ngày (Năm mươi nghìn đồng/người/ngày).

- Thời gian nghỉ việc, mất việc làm từ 01 tháng trở lên thì mức hỗ trợ là 1.500.000 đồng/người/lần (Một triệu năm trăm nghìn đồng/người/lần).

- Đối tượng đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người/lần; đối tượng đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em/lần chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.

- Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần trong một chính sách hỗ trợ. Người lao động được hỗ trợ một lần bằng tiền (trừ các đối tượng hưởng chính sách bổ sung quy định tại điểm 7, điểm 8, mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ) chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện:

a. Hồ sơ:

- Đối tượng được hưởng chính sách mang bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính một trong các giấy tờ sau: Hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế đến Trụ sở khóm, ấp và điền thông tin vào ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này.

- Trường hợp người lao động có nơi thường trú và tạm trú không cùng một địa bàn cấp xã, nếu đề nghị hưởng hỗ trợ tại nơi thường trú thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi tạm trú về việc không đề nghị hưởng chính sách này.

- Đối với đối tượng đang mang thai; đối tượng đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi cần bổ sung thêm: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền.

b. Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Trưởng khóm, ấp phối hợp các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng Công an trên địa bàn (nếu cần thiết) đề rà soát, xác nhận cho đối tượng hưởng chính

sách. Thực hiện tổng hợp danh sách người đủ điều kiện hưởng hỗ trợ, báo cáo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Trong 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn rà soát, lập danh sách người đủ điều kiện hưởng hỗ trợ và niêm yết, công khai với danh sách trong 02 ngày làm việc; tổng hợp Danh sách đối tượng lao động không có giao kết hợp đồng lao động (*lao động tự do*) và một số đối tượng đặc thù khác theo Mẫu số 02 kèm theo Quyết định này gửi Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thẩm định (*trong 03 ngày làm việc*).

- Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, Danh sách hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ; thực hiện chi trả hỗ trợ theo quy định (*trong 05 ngày làm việc*). Đồng thời, báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp chung trên địa bàn toàn tỉnh.

- Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Nguồn kinh phí:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ và nguồn ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

- Nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

- Hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các đối tượng gặp khó khăn do dịch Covid-19, đảm bảo chặt chẽ, đúng đối tượng, đúng chính sách, đúng quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định này.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chủ động sử dụng kinh phí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung và ngân sách huyện, thị xã, thành phố để thực hiện hỗ trợ cho đối tượng gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định này. Trường hợp ngân sách huyện, thị xã, thành phố có khó khăn thì báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kịp thời.

- Lập dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng gặp khó khăn do dịch Covid-19 nêu trên, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí được bổ sung theo đúng quy định. Khi hoàn thành việc hỗ trợ cho các đối tượng, trường hợp không sử dụng hết kinh phí, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập thủ tục hoàn trả ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chịu trách nhiệm thực hiện những nội dung ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

- Tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, đúng chính sách.

- Định kỳ trước ngày 15 hàng tháng, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Đôn đốc các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung được phân công để kịp thời hỗ trợ cho các đối tượng.

- Tổng hợp số lượng theo báo cáo của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thực hiện.

- Tiếp nhận, tổng hợp các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai (*liên quan đến ngành lao động*) để hướng dẫn. Trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo, xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, Ngành Trung ương để hướng dẫn, giải quyết.

- Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng (*hoặc đột xuất khi có yêu cầu*), tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính:

- Trên cơ sở số liệu của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã báo cáo được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

- Tiếp nhận, tổng hợp các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện (*liên quan đến ngành tài chính*) để hướng dẫn. Trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính hướng dẫn, giải quyết.

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện hỗ trợ và báo cáo Bộ Tài chính để hỗ trợ ngân sách địa phương theo đúng quy định.

- Thực hiện quyết toán kinh phí với các địa phương theo quy định hiện hành.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

Chủ trì, chỉ đạo hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên từ tỉnh đến huyện, phường, xã, khóm, ấp phối hợp phổ biến, tuyên truyền, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định này theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, đúng chính sách.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: (kèm theo 02 Mẫu biểu)

- Như Điều 3; *1^{tr}*
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (*để b/c*);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các phó CVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- PP.TH H.Yến;
- Lưu: VT, (H-QĐ52); *1^{tr}*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Cao Xuân Thu Vân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Dành cho đối tượng lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (xã/phường/thị trấn).....

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

2. Dân tộc: Giới tính:

3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Nơi ở hiện tại:

Nơi thường trú:

Nơi tạm trú:

Điện thoại liên hệ:

II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CHÍNH TRƯỚC KHI MẤT VIỆC LÀM

1. Công việc chính ¹:

1- Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định

2- Thu gom rác, phế liệu

3- Bốc vác, vận chuyển hàng hóa

4- Lái xe mô tô 2 bánh chở khách, xe xích lô chở khách

5- Bán lẻ vé số lưu động

6- Tự làm hoặc làm việc tại hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe (massage, xoa bóp y học, châm cứu), hớt tóc, làm tóc, làm móng tay, chân, bảo vệ, tiếp thị, phụ bán hàng (không phải mặt hàng thiết yếu)

7- Công nhật lột tôm, công nhật chặt đầu cá, đi ghe lưới, kéo tôm

8- Thợ hồ, phụ hồ



9- Tài xế, lơ xe, chạy đò chở khách

10- Giúp việc nhà

11- Lao động làm việc tại các cơ sở nghề truyền thống đan lát, rèn, sản xuất bánh kẹo, nước uống

2. Nơi làm việc ²:

3. Thu nhập bình quân tháng trước khi mất việc làm: đồng/tháng

III. THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP HIỆN NAY

1. Công việc chính:

2. Thu nhập hiện nay: đồng/tháng.

IV. THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ THÊM (NẾU CÓ) ³

Đang mang thai

Đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi

Hiện nay, tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, tôi đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết hỗ trợ theo quy định.

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG
KHÓM/ẤP.....**

....ngày tháng năm 2021
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Công việc đem lại thu nhập chính cho người lao động
2. Trường hợp làm việc cho hộ kinh doanh thì ghi tên, địa chỉ hộ kinh doanh
3. Chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em. Cần bổ sung thêm bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 02

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 2021

DANH SÁCH
ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG (LAO ĐỘNG TỰ DO) VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐẶC THÙ KHÁC ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu	Địa chỉ, nơi cư trú	Loại đối tượng ⁽¹⁾	Mức hỗ trợ (Đồng)			Ghi chú
		Nam	Nữ				Tổng số tiền	Hỗ trợ đối tượng ⁽²⁾	Hỗ trợ thêm (nếu có) ⁽³⁾	
	Tổng số									
1										
2										
3										
4										
5										

CÁN BỘ LẬP

CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

- Ghi bằng số theo 11 nhóm đối tượng được nêu tại **ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**
- Thời gian nghỉ việc, mất việc làm từ 10 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng thì mức hỗ trợ là 50.000 đồng/người/ngày (Năm mươi nghìn đồng/người/ngày); Thời gian nghỉ việc, mất việc làm từ 01 tháng trở lên thì mức hỗ trợ là 1.500.000 đồng/người/lần (Một triệu năm trăm nghìn đồng/người/lần).
- Đối tượng đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người/lần; đối tượng đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em/lần chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.